

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ  
ĐẠI DƯƠNG**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 35

/// 0 \* M.3.0 //

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hà Trọng Nam	Chủ tịch
Ông Hà Văn Thắm (*)	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Ông Sven Albert Saebel	Thành viên (Từ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2015)
Ông Dương Trọng Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (Từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Hương Giang (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Dương Tuệ Minh (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Quang Thụ (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Dung (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)

#### **Ban Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2015)
Ông Sven Albert Saebel	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2015)
Bà Lê Hà Quê	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 07 tháng 8 năm 2015)
Bà Dương Tuệ Minh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2015)

(\*) Theo Công bố thông tin bất thường của Công ty ngày 19 tháng 6 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Hà Văn Thắm, miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị đối với Bà Nguyễn Thị Hương Giang, Bà Dương Tuệ Minh và bổ nhiệm Ông Lê Quang Thụ, Bà Nguyễn Thị Dung và Bà Nguyễn Thị Lan Hương vào danh sách thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2018.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Thị Lan Hương**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 30 tháng 3 năm 2016*



Số: 758 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang ghi nhận một khoản trả trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour ("Viptour") với số tiền 38.567.900.000 VND thể hiện khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, công ty con của Công ty, trong đó bao gồm số tiền 18.714.461.700 VND trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Viptour mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương (OceanBank). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang làm việc với Công ty Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước 19.853.438.300 VND còn lại. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản ứng trước này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản phải thu cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (“Suối Mơ”) với số tiền 31.520.244.101 VND và lãi phải thu tương ứng 17.984.646.785 VND (trình bày tại Thuyết minh số 10). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty đang làm việc với Suối Mơ để gia hạn các khoản phải thu nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định số tiền cần điều chỉnh từ các khoản ngắn hạn sang các khoản dài hạn tương ứng với kế hoạch trả nợ của Suối Mơ.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản phải thu ngắn hạn Công ty TNHH VNT (“VNT”) với giá trị 204 tỷ VND liên quan đến việc hợp tác đầu tư với VNT để thực hiện Dự án Khu số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang. Ngày 19 tháng 10 năm 2015, Công ty và VNT đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty đang làm việc với VNT về việc thu hồi khoản phải thu nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như giá trị có thể thực hiện được của khoản phải thu. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long (“OTL”) với giá gốc là 74.241.000.000 VND và đầu tư vào các đơn vị khác với giá gốc khoản đầu tư là 15.853.700.000 VND. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các bên nhận đầu tư làm căn cứ đánh giá trích lập dự phòng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm Nha Trang (“Sao Hôm Nha Trang”), công ty con của Công ty, đang ghi nhận khoản phải thu từ cho vay ngắn hạn đối với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang với giá trị 162.200.000.000 VND và khoản phải thu ngắn hạn khác là lãi phát sinh với giá trị 35.752.260.551 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Sao Hôm Nha Trang đang đánh giá khả năng thu hồi các khoản này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Sao Hôm Nha Trang trên báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Bánh Givral, Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương, các công ty con của Công ty, đang ghi nhận các khoản phải thu khác với giá trị thuần là 27.400.110.000 VND và khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác với giá gốc là 33.250.000.000 VND nhưng chưa thu thập được căn cứ để xác định số dự phòng cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con này trên báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hay không.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0030-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 30 tháng 3 năm 2016*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**Trần Xuân Ánh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0723-2013-001-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>863.315.751.189</b>	<b>666.853.379.006</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>29.261.685.275</b>	<b>28.245.835.593</b>
1. Tiền	111		3.285.803.332	28.245.835.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.975.881.943	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>40.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	-	40.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>556.431.795.096</b>	<b>319.553.697.430</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.422.130.957	11.175.519.556
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	38.660.900.000	38.835.163.587
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	57.138.873.966	32.420.244.101
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	633.165.782.547	365.284.218.114
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(184.955.892.374)	(128.161.447.928)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>268.196.780.749</b>	<b>268.273.231.509</b>
1. Hàng tồn kho	141	12	268.196.780.749	268.273.231.509
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.425.490.069</b>	<b>10.780.614.474</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	16.762.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14	115.411.774	134.482.449
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	9.310.078.295	10.629.369.525
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.069.690.059.075</b>	<b>1.206.058.800.331</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.733.083.564</b>	<b>8.084.800.662</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	10.478.000.000	1.500.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	506.255.083.564	506.584.800.662
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(500.000.000.000)	(500.000.000.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.938.718.334</b>	<b>2.416.246.072</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.891.320.492	2.330.848.226
- Nguyên giá	222		2.672.451.446	2.738.451.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(781.130.954)	(407.603.220)
2. Tài sản cố định vô hình	227		47.397.842	85.397.846
- Nguyên giá	228		114.000.000	114.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(66.602.158)	(28.602.154)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>383.328.682</b>	<b>573.096.066</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		383.328.682	573.096.066
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.039.012.558.926</b>	<b>1.188.236.603.837</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	15,16	1.242.786.126.467	1.046.863.126.467
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	-	32.762.945.282
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	163.936.810.152	411.102.403.376
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(367.710.377.693)	(302.491.871.288)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.622.369.569</b>	<b>6.748.053.694</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		267.643.647	898.723.594
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	11.354.725.922	5.849.330.100
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.933.005.810.264</b>	<b>1.872.912.179.337</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>550.667.591.657</b>	<b>548.592.380.170</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>537.611.039.874</b>	<b>533.861.081.864</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	12.637.745.619	28.329.603.472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	54.429.914.674	53.190.510.125
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	24.847.810	-
4. Phải trả người lao động	314		348.049.218	812.158.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	41.172.486.929	22.181.640.449
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	258.666.174.655	258.179.292.585
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	168.908.785.784	168.908.785.784
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.423.035.185	2.259.091.116
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.056.551.783</b>	<b>14.731.298.306</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		885.561.591	1.847.346.772
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	12.170.990.192	12.883.951.534
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.382.338.218.607</b>	<b>1.324.319.799.167</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>1.382.338.218.607</b>	<b>1.324.319.799.167</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.493.439.505	4.493.439.505
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.329.814.592	6.329.814.592
4. (Lỗ) lũy kế	421		(628.485.035.490)	(686.503.454.930)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(686.503.454.930)	75.831.192.489
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		58.018.419.440	(762.334.647.419)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.933.005.810.264</b>	<b>1.872.912.179.337</b>



Nguyễn Ngọc Tú  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Phạm Lương Hoàng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	15.910.378.031	64.913.053.745
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		100.069.773	596.725.082
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		15.810.308.258	64.316.328.663
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	15.685.402.992	48.506.980.695
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		124.905.266	15.809.347.968
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	203.994.949.761	112.848.520.538
7. Chi phí tài chính	22	28	84.043.831.331	253.050.926.561
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.745.227.563	21.987.920.795
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	64.059.087.349	638.450.127.260
9. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		56.016.936.347	(762.843.185.315)
10. Thu nhập khác	31		243.243.272	139.011.300
11. Chi phí khác	32		411.361.529	2.105.466.746
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(168.118.257)	(1.966.455.446)
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		55.848.818.090	(764.809.640.761)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	3.335.794.472	-
15. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	(5.505.395.822)	(2.474.993.342)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		58.018.419.440	(762.334.647.419)



Nguyễn Ngọc Tú  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Phạm Lương Hoàng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	55.848.818.090	(764.809.640.761)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	451.871.555	361.265.117
Các khoản dự phòng	03	122.012.950.851	859.224.287.496
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(196.016.824.245)	(112.848.520.538)
Chi phí lãi vay	06	18.745.227.563	21.987.920.795
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.042.043.814	3.915.312.109
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(5.408.266.467)	204.746.286.534
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	76.450.760	6.351.338.879
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.946.678.416)	(2.947.913.600)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	631.079.947	577.490.336
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(16.086.651.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.044.677.696)	(40.692.789.671)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(203.306.912)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(16.650.048.058)</b>	<b>155.659.765.923</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(132.110.358.646)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(34.596.629.865)	(65.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	900.000.000	234.800.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(195.923.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	245.980.665.200	60.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.304.862.405	56.922.978.982
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>17.665.897.740</b>	<b>94.172.620.336</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	35.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(279.956.420.429)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(244.956.420.429)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.015.849.682</b>	<b>4.875.965.830</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>28.245.835.593</b>	<b>23.369.869.763</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>29.261.685.275</b>	<b>28.245.835.593</b>



Nguyễn Ngọc Tú  
Người lập biểu



Phạm Lương Hoàng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2015 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006). Vốn điều lệ của Công ty là 2.000 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 200.000.000 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) với mã cổ phiếu là OCH.

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0800338870-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22 người (31 tháng 12 năm 2014: 62 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Mua bán lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản; Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; Tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; Thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Thiết kế hệ thống cấp thoát nước - môi trường nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Như trình bày tại Thuyết minh số 33 - Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán, tại ngày 8 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ra Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐQT về việc đóng cửa chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, trong năm Công ty đã chuyển nhượng thành công khoản đầu tư vào công liên kết tại Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông cho đối tác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông không còn là công ty liên kết của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết******Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)***

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Thiết bị văn phòng	5 - 15
Phương tiện vận tải	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Phần mềm**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng phần mềm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, thiết bị loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	343.442.801	439.637.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.942.360.531	27.806.197.798
Các khoản tương đương tiền (*)	25.975.881.943	-
	<u>29.261.685.275</u>	<u>28.245.835.593</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,3%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
	-	-	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh khoản tiền chuyển cho bà Hứa Thị Bích Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 3 năm 2012, khoản tiền chuyển cho bà Hạnh có lãi suất 11%/năm và được gia hạn thanh toán lần 2 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, khoản đầu tư nắm giữ đến hạn đáo hạn này đã quá hạn 9 tháng và được phân loại lại sang khoản phải thu ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	3.251.144.389	3.232.725.439
Công ty Cổ phần dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	3.422.016.208	1.622.573.502
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	2.747.694.563	1.610.383.233
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	330.948.313	1.330.948.313
Đối tượng khác	2.670.327.484	3.378.889.069
	<b>12.422.130.957</b>	<b>11.175.519.556</b>

Phải thu ngắn hạn các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 32.

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH MTV Du lịch và xúc tiến đầu tư (i)	38.567.900.000	38.567.900.000
Các đối tượng khác	93.000.000	267.263.587
	<b>38.660.900.000</b>	<b>38.835.163.587</b>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang ghi nhận một khoản trả trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour (“Viptour”) với số tiền 38.567.900.000 VND thể hiện khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, công ty con của Công ty, trong đó bao gồm số tiền 18.714.461.700 VND trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Viptour mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương (OceanBank). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang làm việc với Công ty Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước 19.853.438.300 VND còn lại.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (i)	31.520.244.101	32.420.244.101
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm Nha Trang (ii)	25.618.629.865	-
	<u>57.138.873.966</u>	<u>32.420.244.101</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (iii)	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm Nha Trang (iv)	8.978.000.000	-
	<u>10.478.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>

Phải thu về cho vay các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 32.

- (i) Số dư phải thu từ cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ bao gồm:
- Khoản tiền 11.210.244.101 VND theo Hợp đồng cho vay số 25/2011/OCH - SM ngày 6 tháng 5 năm 2011, thời hạn ban đầu của khoản vay là 3 năm kể từ ngày giải ngân. Khoản vay đã được gia hạn thanh toán lần 1 theo phụ lục 3 ký ngày 15 tháng 01 năm 2014, chuyển thời hạn từ 3 năm thành 5 năm kể từ ngày giải ngân. Theo đó, khoản cho vay sẽ được đáo hạn tại ngày 09 tháng 5 năm 2016 và vẫn chịu lãi suất 11%/năm theo điều khoản hợp đồng.
  - Khoản tiền 20.310.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay số 30/2011/OCH - SM ngày 19 tháng 8 năm 2011, thời hạn ban đầu của khoản vay là 3 năm kể từ ngày giải ngân. Khoản vay đã được gia hạn thanh toán lần 1 theo phụ lục 2 ký ngày 15 tháng 01 năm 2014, chuyển thời hạn cho vay từ 3 năm thành 5 năm kể từ ngày giải ngân. Theo đó, khoản vay sẽ được đáo hạn tại ngày 23 tháng 8 năm 2016 và vẫn chịu lãi suất 11%/năm theo điều khoản hợp đồng.
- (ii) Số dư phải thu từ cho vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang bao gồm:
- Khoản tiền 13.618.629.865 VND theo Hợp đồng cho vay số 23/2015/HĐCV/OCH-SHNT ngày 26 tháng 11 năm 2015, thời hạn của khoản vay là 1 năm, lãi suất cho vay là 11%/năm, mục đích của khoản vay để bổ sung nguồn vốn tiếp tục thực hiện dự án Star City Nha Trang.
  - Khoản tiền 12.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay số 22/2015/HĐCV/OCH-SHNT ngày 11 tháng 11 năm 2015, thời hạn của khoản vay là 1 năm, lãi suất cho vay là 11%/năm, mục đích của khoản vay để bổ sung nguồn vốn tiếp tục thực hiện dự án Star City Nha Trang.
- (iii) Khoản phải thu cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ là khoản phải thu cho vay theo Hợp đồng số 01/2014/HĐCV/OCH-SM ngày 10 tháng 01 năm 2014, lãi suất cho vay quy định trong hợp đồng là 11%/năm, thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân, khoản vay đáo hạn ngày 23 tháng 01 năm 2019.
- (iv) Khoản tiền 8.978.000.000 VND là số phải thu từ cho vay của Hợp đồng hỗ trợ vốn số 25/2015/HĐCV/OCH-SHNT ngày 15 tháng 2 năm 2015 với Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang có thời gian thu hồi là 36 tháng kể từ ngày Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương chuyển tiền hỗ trợ. Mục đích của khoản hỗ trợ là bổ sung nguồn vốn tiếp tục thực hiện dự án Star City Nha Trang, lãi suất của hợp đồng vay là 11%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**10. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ông Hà Trọng Nam (i)	128.161.447.928	128.161.447.928
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (ii)	56.794.444.446	15.679.166.668
Công ty TNHH VNT (iii)	204.000.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An (iv)	20.753.333.333	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Bình An (v)	8.093.549.831	8.093.549.831
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (vi)	17.984.646.785	14.251.655.450
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao hôm Nha trang (vii)	197.065.060.224	178.632.000.000
Đối tượng khác	313.300.000	466.398.237
	<b><u>633.165.782.547</u></b>	<b><u>365.284.218.114</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ông Hà Trọng Nam (viii)	500.000.000.000	500.000.000.000
Đặt cọc dài hạn	-	329.717.098
Các đối tượng khác (ix)	6.255.083.564	6.255.083.564
	<b><u>506.255.083.564</u></b>	<b><u>506.584.800.662</u></b>

Phải thu khác các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 32.

- (i) Là khoản lãi tính trên khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 như trình bày tại Thuyết minh số 10 (viii).
- (ii) Khoản phải thu khác của bà Hứa Thị Bích Hạnh bao gồm:
- Khoản tiền 40.000.000.000 VND chuyển cho bà Hứa Thị Bích Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 3 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản tiền này được theo dõi trên chỉ tiêu các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. Hợp đồng này đã quá hạn từ ngày 31 tháng 3 năm 2015.
  - Khoản tiền 16.794.444.446 VND tiền lãi tính trên khoản tiền chuyển cho bà Hứa thị Bích Hạnh theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV - OCH ngày 06 tháng 3 năm 2013 nêu trên.
- Tại ngày lập báo cáo, Công ty đang làm việc để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu nêu trên.
- (iii) Phản ánh khoản phải thu được phân loại lại từ chỉ tiêu đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do hợp đồng Hợp tác đầu tư số 3008/2013/ĐTĐT/VNT-OCH ngày 30 tháng 8 năm 2013 để thực hiện Dự án Khu số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang với Công ty TNHH VNT đã được chấm dứt vào ngày 19 tháng 10 năm 2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty đang tiến hành thu hồi khoản phải thu nêu trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**10. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

(iv) Khoản phải thu của Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An bao gồm:

- Khoản tiền 20.000.000.000 VND là khoản đặt cọc theo Hợp đồng số 33/2014/HĐĐC/OCH-TA với Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Tài sản Trảng An ngày 09 tháng 9 năm 2015 để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng thuê văn phòng tại Tòa nhà Sentinel Palace tại 41B Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Khoản tiền 753.333.333 VND là lãi phải thu ước tính từ thời điểm hết hạn hợp đồng nêu trên đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày lập báo cáo, Công ty đang làm việc để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu nêu trên.

(v) Khoản phải thu liên quan đến việc mua 13.630.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An với số tiền 8.093.549.831 VND. Tại ngày lập báo cáo, Ban Giám đốc Công ty đang làm việc để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu nêu trên.

(vi) Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Suối Mơ phản ánh lãi phải thu liên quan tới các hợp đồng cho Suối Mơ vay vốn ngắn hạn và dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 9 (i) và (iii).

Tại ngày lập báo cáo, Công ty đang làm việc để thu hồi khoản lãi phải thu nêu trên.

(vii) Khoản phải thu Công ty TNHH Một Thành viên Sao Hôm Nha Trang bao gồm:

- Khoản tiền 162.200.000.000 VND là số phải thu từ việc thanh lý khoản đặt cọc ngày 30 tháng 3 năm 2014. Theo điều khoản thanh lý hợp đồng đặt cọc, Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang có nghĩa vụ thanh toán tiền đặt cọc trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý, nếu không thanh toán đúng hạn sẽ chịu lãi suất là 11%/năm, tuy nhiên gốc và lãi được thanh toán chậm không quá ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Khoản tiền 35.065.060.224 VND là lãi phải thu của khoản đặt cọc tại Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang chưa thu hồi được nêu trên.

Tại ngày lập báo cáo, Công ty đang làm việc để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu nêu trên.

(viii) Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Trảng Tiền từ một nhóm cổ đông. Tại ngày 05 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng số 05 với ông Hà Trọng Nam, theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết Phụ lục. Khoản phải thu dài hạn này đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Tại ngày lập báo cáo, Công ty đang làm việc để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu nêu trên.

(ix) Bao gồm khoản phải thu từ tạm ứng cho các nhân viên của OGC thực hiện tìm kiếm các dự án đầu tư. Khoản ứng trước phát sinh từ năm 2012 nhưng đến hiện tại chưa thu hồi được. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty đang làm việc để thu hồi khoản phải thu nêu trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**11. NỢ XẤU**

Đối tượng	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>				
Ông Hà Trọng Nam	128.161.447.928	-	128.161.447.928	-
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	56.794.444.446	-	56.794.444.446	15.679.166.668
Công ty TNHH VNT	204.000.000.000	204.000.000.000	-	-
<b>Phải thu khác dài hạn hạn</b>				
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
Các đối tượng khác	6.255.083.564	6.255.083.564	-	6.584.800.662
<b>Tổng</b>	<b>895.210.975.938</b>	<b>210.255.083.564</b>	<b>684.955.892.374</b>	<b>22.263.967.330</b>
			<b>650.425.415.258</b>	<b>628.161.447.928</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	74.381.815	-	105.334.737	-
Công cụ, dụng cụ	112.832.718	-	117.905.556	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	217.442.052.580	-	217.482.477.580	-
Hàng hoá bất động sản	50.567.513.636	-	50.567.513.636	-
<b>Cộng</b>	<b>268.196.780.749</b>	<b>-</b>	<b>268.273.231.509</b>	<b>-</b>

**13. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị văn phòng		Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND		
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	1.668.922.900	1.069.528.546	2.738.451.446	
Thanh lý, nhượng bán	(66.000.000)	-	(66.000.000)	
Tại ngày 31/12/2015	1.602.922.900	1.069.528.546	2.672.451.446	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	317.520.904	90.082.316	407.603.220	
Trích khấu hao trong năm	278.058.350	135.813.201	413.871.551	
Thanh lý, nhượng bán	(40.343.817)	-	(40.343.817)	
Tại ngày 31/12/2015	555.235.437	225.895.517	781.130.954	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2015	1.047.687.463	843.633.029	1.891.320.492	
Tại ngày 31/12/2014	1.351.401.996	979.446.230	2.330.848.226	

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp/ phải thu	Số đã được khấu trừ/đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (*)	134.482.449	1.220.296.748	1.239.367.423	115.411.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.601.195.071	3.335.794.472	2.044.677.696	9.310.078.295
Các loại thuế khác	28.174.454	28.174.454	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.763.851.974</b>	<b>4.584.265.674</b>	<b>3.284.045.119</b>	<b>9.425.490.069</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.627.246.455	1.627.246.455	-
- Thuế GTGT đầu ra khấu trừ với VAT đầu vào (*)	-	1.239.094.695	1.239.094.695	-
- Thuế GTGT phải nộp	-	388.151.760	388.151.760	-
Các loại thuế khác	-	499.876.701	475.028.891	24.847.810
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.127.123.156</b>	<b>2.102.275.346</b>	<b>24.847.810</b>

(\*) Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ với thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>1) Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ & Phát triển Đầu tư (IOC)	172.928.550.363	172.928.550.363	172.928.550.363	172.928.550.363
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối mơ	47.209.238.000	47.209.238.000	47.209.238.000	24.900.000.000
Công ty Cổ phần Tân Việt	109.493.338.104	-	109.493.338.104	-
Công ty Cổ phần Bán Givral	323.400.000.000	-	323.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Viptour Togi	246.832.000.000	48.957.187.172	246.832.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	47.000.000.000	24.976.412.087	47.000.000.000	13.585.658.072
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	295.923.000.000	73.095.586.072	100.000.000.000	70.000.000.000
	<b>1.242.786.126.467</b>	<b>367.166.973.694</b>	<b>1.046.863.126.467</b>	<b>281.414.208.435</b>
<b>2) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	-	-	32.762.945.282	18.716.680.287
	-	-	<b>32.762.945.282</b>	<b>18.716.680.287</b>
<b>3) Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần THT Việt Nam (iii)	3.000.050.000	543.403.999	3.000.050.000	1.268.448.144
Công ty CP Kỹ thuật xây dựng và VLXD ( Cotec) (ii)	4.423.700.000	-	4.423.700.000	-
Công ty Cổ phần Fafilm Việt Nam	18.563.678.800	-	18.563.678.800	-
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội (ii)	11.430.000.000	-	11.430.000.000	-
Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long (i)	74.241.000.000	-	116.000.000.000	1.092.534.422
Công ty CP Đầu tư PT và KD Công trình Công nghiệp Việt Sing	52.278.381.352	-	53.684.974.576	-
Công ty TNHH VNT	-	-	204.000.000.000	-
	<b>163.936.810.152</b>	<b>543.403.999</b>	<b>411.102.403.376</b>	<b>2.360.982.566</b>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long ("OTL") với giá gốc khoản đầu tư là 74.241.000.000 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính tự lập của OTL và không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác với giá gốc khoản đầu tư là 15.853.700.000 VND chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Vật liệu xây dựng và Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội.
- (iii) Khoản đầu tư vào THT Việt Nam đã được chuyển nhượng thành công cho bên thứ 3 với giá trị 7.050.423.000 VND trong tháng 01 năm 2016.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

**Tình hình hoạt động của các Công ty con - liên kết trong năm**

Công ty con	2015	2014
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ & Phát triển Đầu tư	Lỗ trong năm	Lỗ trong năm
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối mơ	Lãi trong năm	Lỗ trong năm
Công ty Cổ phần Tân Việt	Lãi trong năm	Lãi trong năm
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Lãi trong năm	Lãi trong năm
Công ty Cổ phần Viptour Togi	Lỗ trong năm	Lãi trong năm
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Lỗ trong năm	Lỗ trong năm
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Lỗ trong năm	Lỗ trong năm
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	không còn là Công ty liên kết	Lãi trong năm

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Quảng Nam	74%	74%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Quảng Ninh	83%	83%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Tân Việt	Nha Trang	51,42%	51,42%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Thành phố Hồ Chí Minh	98%	98%	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh từ bột, cacao, sôcôla;
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	Hà Nội	80%	80%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Hà Nội	94%	94%	Truyền thông
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Nha Trang	100% (*)	100%	Kinh doanh khách sạn

(\*) Phản ánh tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4201214168 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Công ty nhận chuyển nhượng 90% quyền sở hữu tại Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương, Công ty đang thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc nhận chuyển nhượng 10% quyền sở hữu còn lại từ một bên khác tại ngày lập báo cáo.

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.354.725.922	5.849.330.100
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>11.354.725.922</b>	<b>5.849.330.100</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	11.702.897.233	11.702.897.233	11.565.510.332	11.565.510.332
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao hôm	-	-	15.452.377.000	15.452.377.000
Nha trang				
Các đối tượng khác	934.848.386	934.848.386	1.311.716.140	1.311.716.140
	<b>12.637.745.619</b>	<b>12.637.745.619</b>	<b>28.329.603.472</b>	<b>28.329.603.472</b>

Phải trả người bán các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 32.

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
Trả trước tiền mua căn hộ dự án Star City Nha Trang		54.399.923.471		-
Các khoản khác		29.991.203		53.190.510.125
		<b>54.429.914.674</b>		<b>53.190.510.125</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
Lãi vay phải trả		38.354.827.300		19.609.599.737
Khác		2.817.659.629		2.572.040.712
		<b>41.172.486.929</b>		<b>22.181.640.449</b>

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Cổ tức năm 2013 chưa trả		140.340.320.027		140.340.320.027
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh (i)		116.042.770.800		-
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (i)		-		116.042.770.800
Các đối tượng khác		2.283.083.828		1.796.201.758
		<b>258.666.174.655</b>		<b>258.179.292.585</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		12.170.990.192		12.883.951.534
		<b>12.170.990.192</b>		<b>12.883.951.534</b>

(i) Phản ánh phần Công ty nhận vốn góp từ bà Hứa Thị Bích Hạnh liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn vào dự án Sai Gon Airport Plaza đã được chuyển cho bên thứ 3 là Công ty TNHH MTV Đầu tư Dịch vụ Đại Dương Xanh (nay là Công ty TNHH Pegasus Thăng Long).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	168.908.785.784	168.908.785.784	-	-	168.908.785.784	168.908.785.784
<b>Cộng</b>	<b>168.908.785.784</b>	<b>168.908.785.784</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>168.908.785.784</b>	<b>168.908.785.784</b>

Chi tiết khoản vay theo từng ngân hàng như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>168.908.785.784</b>	<b>168.908.785.784</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư (i)	13.908.785.784	13.908.785.784
Công ty Cổ phần Bánh Givral (ii)	155.000.000.000	155.000.000.000
	<b>168.908.785.784</b>	<b>168.908.785.784</b>

(i) Phản ánh giá trị khoản vay theo Hợp đồng số 18/2014/HĐVV/OCH-IOC ngày 28 tháng 4 năm 2014 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư với lãi suất 11%/năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, khoản vay này đã bị quá hạn và Ban Giám đốc Công ty đang làm thủ tục để gia hạn khoản vay.

(ii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Bánh Givral theo Hợp đồng cho vay số 02/2013/HĐCV/GIVRAL-OCH ngày 04 tháng 11 năm 2013 với lãi suất 11%/năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, khoản vay này đã bị quá hạn và Ban Giám đốc Công ty đang làm thủ tục để gia hạn khoản vay.

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014 (trình bày lại)</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>2.610.910.700</b>	<b>6.329.814.592</b>	<b>219.051.830.986</b>	<b>2.227.992.556.278</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(762.334.647.419)	(762.334.647.419)
Trích lập các quỹ	-	1.882.528.805	-	(3.320.298.969)	(1.437.770.164)
Chia cổ tức	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Khác	-	-	-	99.660.472	99.660.472
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>4.493.439.505</b>	<b>6.329.814.592</b>	<b>(686.503.454.930)</b>	<b>1.324.319.799.167</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	58.018.419.440	58.018.419.440
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>4.493.439.505</b>	<b>6.329.814.592</b>	<b>(628.485.035.490)</b>	<b>1.382.338.218.607</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
<b>- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>- Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**24. DOANH THU**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.910.378.031	64.707.166.752
- Doanh thu nhượng quyền kinh doanh bất động sản	-	205.886.993
	<b>15.910.378.031</b>	<b>64.913.053.745</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	100.069.773	596.725.082
	<b>100.069.773</b>	<b>596.725.082</b>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 32.

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.685.402.992	48.506.980.695
	<b>15.685.402.992</b>	<b>48.506.980.695</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	471.321.889	433.689.058
Chi phí nhân công	7.620.413.821	14.743.296.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	451.871.555	361.265.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.426.993.795	40.715.742.986
Chi phí khác	61.020.252.010	630.497.227.439
	<b>73.990.853.070</b>	<b>686.751.220.962</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.583.760.510	12.448.822.651
Lãi từ hoạt động đầu tư	171.458.719.918	601.524.000
Trong đó:		
- <i>Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP du lịch dầu khí Phương Đông</i>	17.294.719.918	-
- <i>Lãi từ chuyển nhượng Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long</i>	154.164.000.000	-
- <i>Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam</i>	-	601.524.000
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	7.199.136.000	23.964.785.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	753.333.333	75.833.388.887
	<b>203.994.949.761</b>	<b>112.848.520.538</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	18.745.227.563	21.987.920.795
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	85.752.765.259	231.062.839.568
Hoàn nhập khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CP du lịch dầu khí Phương Đông do bán khoản đầu tư	(18.716.680.287)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn khác	(1.817.578.567)	-
Chi phí tài chính khác	80.097.363	166.198
	<b>84.043.831.331</b>	<b>253.050.926.561</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.515.846.423	6.929.503.640
Chi phí khấu hao TSCĐ	316.058.354	147.500.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.874.935	1.358.806.242
Chi phí bằng tiền khác	1.645.863.191	1.852.869.039
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	56.794.444.446	628.161.447.928
	<b>64.059.087.349</b>	<b>638.450.127.260</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>55.848.818.090</b>	<b>(764.809.640.761)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(7.199.136.000)</i>	<i>(23.964.785.000)</i>
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	<i>-</i>	<i>2.006.123.937</i>
<i>Cộng: Thu nhập lãi phát sinh chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu kế toán</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: Chi phí dự phòng chưa được khấu trừ thuế</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>(83.486.979.945)</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>15.162.702.145</b>	<b>(786.768.301.824)</b>
Thuế suất thông thường	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.335.794.472</b>	<b>-</b>
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(5.505.395.822)	(2.474.993.342)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(5.505.395.822)</b>	<b>(2.474.993.342)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	168.908.785.784	168.908.785.784
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	29.261.685.275	28.245.835.593
Nợ thuần	139.647.100.509	140.662.950.191
Vốn chủ sở hữu	<u>1.382.338.218.607</u>	<u>1.324.319.799.167</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,10</u>	<u>0,11</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.261.685.275	28.245.835.593
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	534.503.978.660	268.682.170.995
Đầu tư dài hạn khác	163.393.406.153	408.741.420.810
<b>Tổng cộng</b>	<u>727.159.070.088</u>	<u>745.669.427.398</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	168.908.785.784	168.908.785.784
Phải trả người bán và phải trả khác	271.303.920.274	286.508.896.057
Chi phí phải trả	41.172.486.929	22.181.640.449
<b>Tổng cộng</b>	<u>481.385.192.987</u>	<u>477.599.322.290</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG**

Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.261.685.275	-	29.261.685.275
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	517.770.895.096	16.733.083.564	534.503.978.660
Đầu tư dài hạn khác	-	163.393.406.153	163.393.406.153
<b>Tổng cộng</b>	<b>547.032.580.371</b>	<b>180.126.489.717</b>	<b>727.159.070.088</b>

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	168.908.785.784	-	168.908.785.784
Phải trả người bán và phải trả khác	271.303.920.274	-	271.303.920.274
Chi phí phải trả	41.172.486.929	-	41.172.486.929
<b>Tổng cộng</b>	<b>481.385.192.987</b>	<b>-</b>	<b>481.385.192.987</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>65.647.387.384</b>	<b>180.126.489.717</b>	<b>245.773.877.101</b>
-------------------------------------	-----------------------	------------------------	------------------------

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.245.835.593	-	28.245.835.593
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	280.718.533.843	(12.036.362.848)	268.682.170.995
Đầu tư dài hạn khác	-	408.741.420.810	408.741.420.810
<b>Tổng cộng</b>	<b>348.964.369.436</b>	<b>396.705.057.962</b>	<b>745.669.427.398</b>

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	168.908.785.784	-	168.908.785.784
Phải trả người bán và phải trả khác	286.508.896.057	-	286.508.896.057
Chi phí phải trả	22.181.640.449	-	22.181.640.449
<b>Tổng cộng</b>	<b>477.599.322.290</b>	<b>-</b>	<b>477.599.322.290</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(128.634.952.854)</b>	<b>396.705.057.962</b>	<b>268.070.105.108</b>
-------------------------------------	--------------------------	------------------------	------------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG**Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH VNT	Tổng giám đốc của Công ty là Chủ tịch
Ông Hà Trọng Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	687.272.728	687.272.728
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	33.044.532	3.238.188.106
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	2.825.721.818	8.660.418.301
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	281.110.545	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	188.795.715	24.383.804.296
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	64.461.300	111.153.250
Công ty TNHH Phát triển Giảng Võ	10.346.041	323.436.952
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	12.336.088
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lãi vay thu từ giá trị tiền ứng trước</b>		
Ông Hà Trọng Nam	-	59.201.388.887
<b>Lãi thu được từ cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	3.808.500.000
<b>Thu cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	4.000.000.000
<b>Chuyển nhượng cổ phần</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	41.759.000.000	-
<b>Hoàn trả/Bù trừ tiền ký quỹ, ký cược</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	51.750.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	495.790.218	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	150.642.126	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	3.251.144.389	3.232.725.439
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Dương	-	311.482.564
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	32.834.727
Công ty TNHH VNT	204.000.000.000	-
Ông Hà Trọng Nam (lãi vay)	128.161.447.928	128.161.447.928
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	500.000.000.000
<b>Phải trả cho nhà cung cấp</b>		
Công ty CP Tập đoàn đại dương	11.702.897.233	11.565.510.332
Công ty Cp Truyền thông đại dương	468.936.450	468.936.450
<b>Đầu tư dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần THT Việt Nam	3.000.050.000	3.000.050.000
Công ty TNHH VNT	-	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long	74.241.000.000	116.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	-	32.762.945.282
<b>Chi phí phải trả</b>		
Công ty TNHH VNT	1.568.231.648	1.568.231.648
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	117.828.435	117.828.435

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.845.362.377	4.192.416.696
	<u>1.845.362.377</u>	<u>4.192.416.696</u>

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Tại ngày 08 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ra Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐQT về việc đóng cửa chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>			
1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	(32.420.244.101)	32.420.244.101
2. Phải thu ngắn hạn khác	345.163.054.604	(20.121.163.510)	365.284.218.114
3. Hàng tồn kho	239.796.302.302	(28.476.929.207)	268.273.231.509
4. Tài sản ngắn hạn khác	20.121.163.510	20.121.163.510	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	(1.500.000.000)	1.500.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	506.255.083.564	(329.717.098)	506.584.800.662
7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	445.022.647.477	33.920.244.101	411.102.403.376
8. Tài sản dài hạn khác	329.717.098	329.717.098	-
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.519.999	(53.173.990.126)	53.190.510.125
10. Phải trả ngắn hạn khác	258.179.292.585	-	258.179.292.585
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(661.806.394.011)	24.697.060.919	(686.503.454.930)
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.896.396.396	11.983.342.651	64.913.053.745
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	55.370.449.395	6.863.468.700	48.506.980.695

Nguyễn Ngọc Tú  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Phạm Lương Hoàng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương  
Tổng Giám đốc